

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014  
(đã được soát xét)

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

### **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05-32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11-32

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2014, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Hoàng Văn Điều - chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Cam kết khác**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành

---

**Hoàng Văn Điều**

Chủ tịch HĐQT

*TP HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014*

Số: /2014/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

---

**Lê Đức Minh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014*

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>103.016.276.333</b>	<b>99.715.045.865</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>24.018.628.557</b>	<b>21.442.381.162</b>
111	1. Tiền		11.018.628.557	14.942.381.162
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.000.000.000	6.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	<b>300.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	300.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>22.975.537.628</b>	<b>21.123.780.640</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		15.918.432.224	20.289.362.749
132	2. Trả trước cho người bán		6.559.273.274	1.098.337.749
135	5. Các khoản phải thu khác	4	892.242.509	130.490.521
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(394.410.379)	(394.410.379)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>54.004.547.988</b>	<b>54.681.574.456</b>
141	1. Hàng tồn kho		54.004.547.988	54.681.574.456
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.017.562.160</b>	<b>2.167.309.607</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.320.283.448	1.406.965.037
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		650.058.581	699.671.367
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		47.220.131	59.335.846
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	1.337.357
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>113.662.698.306</b>	<b>117.960.388.123</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>55.559.202.964</b>	<b>59.309.160.914</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	50.160.415.628	53.778.586.818
222	- Nguyên giá		135.090.287.625	135.358.097.569
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(84.929.871.997)	(81.579.510.751)
227	3. Tài sản cố định vô hình	7	5.161.134.245	5.292.921.005
228	- Nguyên giá		6.888.980.488	6.976.430.488
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.727.846.243)	(1.683.509.483)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		237.653.091	237.653.091
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>8</b>	<b>37.888.263.699</b>	<b>38.849.600.463</b>
241	- Nguyên giá		52.456.972.189	52.456.972.189
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.568.708.490)	(13.607.371.726)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>12.566.056.593</b>	<b>10.887.108.464</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		12.443.727.393	10.764.779.264
258	3. Đầu tư dài hạn khác		122.329.200	122.329.200
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.649.175.050</b>	<b>8.914.518.282</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.603.175.050	8.868.518.282
268	3. Tài sản dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>216.678.974.639</b>	<b>217.675.433.988</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014  
 (tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>19.968.781.936</b>	<b>23.262.150.758</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>19.968.781.936</b>	<b>23.262.150.758</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	3.591.626.122	7.436.277.409
312	2. Phải trả người bán		8.405.567.900	7.996.962.985
313	3. Người mua trả tiền trước		851.323.068	2.342.411.801
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	146.549.740	239.510.746
315	5. Phải trả người lao động		947.934.958	1.828.270.199
316	6. Chi phí phải trả		75.227.637	245.575
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	6.110.854.997	3.578.774.529
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(160.302.486)	(160.302.486)
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>196.710.192.703</b>	<b>195.596.818.946</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>196.710.192.703</b>	<b>195.596.818.946</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.120.000	53.562.120.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		145.825.164.443	145.825.164.443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
414	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.477.656.109	1.477.656.109
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.890.894.333	2.890.894.333
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.479.994.378	1.366.620.621
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>-</b>	<b>(1.183.535.716)</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>216.678.974.639</b>	<b>217.675.433.988</b>

## **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.388.433.438	1.388.433.438
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		7.792,62	81.121,79
- Đồng Euro (EUR)		299,66	305,12

---

**Nguyễn Thị Ngọc Duyên**  
Người lập

---

**Nguyễn Thị Xuân**  
Kế toán trưởng

---

**Hoàng Văn Điều**  
Chủ tịch HĐQT

*TP HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>15</b>	<b>65.271.807.267</b>	<b>55.893.307.168</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	874.149.688	111.965.928
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>17</b>	<b>64.397.657.579</b>	<b>55.781.341.240</b>
<b>11</b>	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>18</b>	<b>60.477.979.137</b>	<b>53.053.756.296</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>3.919.678.442</b>	<b>2.727.584.944</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	969.052.284	922.896.703
22	7. Chi phí tài chính	20	1.401.785.921	416.910.170
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>131.270.979</i>	<i>284.976.328</i>
24	8. Chi phí bán hàng		907.900.878	786.042.420
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	2.979.160.285	2.239.970.440
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(400.116.358)</b>	<b>207.558.617</b>
31	11. Thu nhập khác		36.287.856	134.032.326
32	12. Chi phí khác		56.651.300	151.040.224
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>(20.363.444)</b>	<b>(17.007.898)</b>
<b>45</b>	<b>14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>1.114.948.128</b>	<b>241.041.792</b>
<b>50</b>	<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>694.468.326</b>	<b>431.592.511</b>
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	179.900.548	247.049
<b>60</b>	<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>514.567.778</b>	<b>431.345.462</b>
<b>61</b>	<b>18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>		<b>-</b>	<b>(15.738.504)</b>
<b>62</b>	<b>18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>		<b>514.567.778</b>	<b>447.083.966</b>
<b>70</b>	<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>23</b>	<b>105</b>	<b>91</b>

Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lậpNguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởngHoàng Văn Điều  
Chủ tịch HĐQT

TP HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		694.468.326	431.592.511
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		5.805.319.805	5.899.907.478
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(14.461.467)	42.629.610
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(807.089.874)	(1.118.456.682)
06	- Chi phí lãi vay		131.270.979	284.976.328
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.809.507.769	5.540.649.245
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.260.972.666)	102.317.465
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		677.026.468	2.595.357.602
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		731.292.997	(9.832.682.891)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.352.024.821	(1.682.409.099)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(131.270.979)	(288.914.827)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(124.052.346)	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.009.846.085	34.604.030
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.213.853.888)	(165.291.221)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.849.548.261	(3.696.369.696)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.079.663.489)	(3.494.785.084)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		34.545.456	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		-	(4.450.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		300.000.000	164.495.273
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		315.643.820	668.247.890
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(429.474.214)	(7.112.041.921)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		19.135.462.037	15.499.519.759
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(22.980.113.324)	(18.642.506.443)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.438.800)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.846.090.087)	(3.142.986.684)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.573.983.960	(13.951.398.301)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		21.442.381.162	28.494.352.827
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.263.435	2.500.237
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>24.018.628.557</u>	<u>14.545.454.763</u>

Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều  
Chủ tịch HĐQT

TP HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuê công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 07 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 53.562.120.000 đồng; tương đương 5.356.212 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 27 tháng 07 năm 2009 với mã giao dịch là ALT.

Các công ty con của Công ty được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ

Các công ty liên kết, liên doanh của Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc

Công ty liên doanh: Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

**1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm trò chơi giáo dục - giải trí;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm (tiếp theo):

- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết dịch vụ Karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, vali, túi xách, nước hoa, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồng hồ, mắt kính, đồ chơi, đồ thể thao, chăn - ga- nệm- gối, hàng ngũ kim, đồ gia dụng (trừ dược phẩm); đồ trang trí nội - ngoại thất, hàng kim khí điện máy - điện lạnh, lương thực - thực phẩm, thức ăn nhanh, nước uống các loại, bánh kẹo, đồ hộp, nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: Bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: Văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2014. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**2.5 . Góp vốn liên doanh**

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**2.6 . Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**2.7 . Bất lợi kinh doanh**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.8 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*

## Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.9 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.10 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.11 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.12 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	10	năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (tại thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. Diện tích 9.987 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047) và phần mềm quản lý. Trong đó quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng là 42 năm.



**2.13 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 25 - 35 năm

**2.14 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trung ương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**2.16 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.19 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.20 . Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	4.487.084.639	4.717.988.041
Tiền gửi ngân hàng	6.531.543.918	10.224.393.121
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	6.500.000.000
	<b><u>24.018.628.557</u></b>	<b><u>21.442.381.162</u></b>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất là 5,5%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	7.267.372	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	5.380.401	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	564.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	61.083.000	68.583.000
Phải thu khác	254.511.736	61.907.521
	<b><u>892.242.509</u></b>	<b><u>130.490.521</u></b>

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.395.998.100	38.931.750.971
Công cụ, dụng cụ	1.185.963.822	1.027.493.552
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.664.077.358	2.294.255.066
Thành phẩm	13.401.450.407	10.842.998.858
Hàng hoá	1.357.058.301	1.585.076.009
	<b><u>54.004.547.988</u></b>	<b><u>54.681.574.456</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

---

**6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2014	6.237.885.093	738.545.395	6.976.430.488
Thanh lý, nhượng bán	-	(87.450.000)	(87.450.000)
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>6.237.885.093</b>	<b>651.095.395</b>	<b>6.888.980.488</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.232.635.966	450.873.517	1.683.509.483
Trích khấu hao	74.705.208	57.081.552	131.786.760
Thanh lý, nhượng bán	-	(87.450.000)	(87.450.000)
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>1.307.341.174</b>	<b>420.505.069</b>	<b>1.727.846.243</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2014	5.005.249.127	287.671.878	5.292.921.005
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>4.930.543.919</b>	<b>230.590.326</b>	<b>5.161.134.245</b>

**8 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	<b>Cộng</b>
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2014	52.456.972.189	52.456.972.189
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>52.456.972.189</b>	<b>52.456.972.189</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2014	13.607.371.726	13.607.371.726
Trích khấu hao	961.336.764	961.336.764
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>14.568.708.490</b>	<b>14.568.708.490</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2014	38.849.600.463	38.849.600.463
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>37.888.263.699</b>	<b>37.888.263.699</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>12.443.727.393</b>	<b>10.764.779.264</b>
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	9.778.806.536	8.894.491.341
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	2.664.920.857	1.870.287.923
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>122.329.200</b>	<b>122.329.200</b>
Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Đồng Nai	62.829.200	62.829.200
Cổ phiếu Công ty CP Giấy Lệ Hoa	59.500.000	59.500.000
	<b><u>12.566.056.593</u></b>	<b><u>10.887.108.464</u></b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47,00%	47,00%	In ấn và quảng cáo

**Đầu tư vào công ty liên doanh**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	50,00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh bằng giấy

Trong kỳ, đối tác liên doanh trong Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt đã có biên bản thỏa thuận đồng ý nhượng lại toàn bộ phần vốn góp của mình cho Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn thành thủ tục để chuyển đổi chủ sở hữu và Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt đang tạm dừng hoạt động, nên khoản đầu tư này Công ty vẫn đang trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên doanh nhưng toàn bộ tài sản thuần đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào Báo cáo hợp nhất của Công ty.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	975.496.543	1.126.246.173
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm Hội nghị Tiệc cưới	555.487.951	669.339.224
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	14.650.000	48.700.000
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	511.777.975	567.608.300
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	551.324.694	568.392.563
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	151.274.288	169.099.403
Chi phí duy trì tên miền	14.852.771	16.694.443
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thi công màn hình LED	3.719.845.912	5.017.077.055
Chi phí in sổ hướng dẫn sử dụng	889.583.340	477.083.332
Chi phí trả trước dài hạn khác	218.881.576	208.277.789
	<b><u>7.603.175.050</u></b>	<b><u>8.868.518.282</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.591.626.122</b>	<b>7.436.277.409</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình (*)	3.591.626.122	7.436.277.409
	<b><u>3.591.626.122</u></b>	<b><u>7.436.277.409</u></b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

(\*) Căn cứ hợp đồng tín dụng số 0136/TaB1/13LD ngày 12/07/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ;
- + Thời hạn vay: được tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 04 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: theo thông báo của Ngân hàng tại mỗi thời kỳ;
- + Số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2014 là 3.591.626.122 đồng.

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	90.229.582	205.500.235
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	27.066.666	-
Thuế Thu nhập cá nhân	29.253.492	34.010.511
	<b><u>146.549.740</u></b>	<b><u>239.510.746</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	11.884.702	-
Bảo hiểm xã hội	109.195.400	27.837.393
Bảo hiểm y tế	20.148.929	1.992.808
Bảo hiểm thất nghiệp	9.213.658	400.590
Phải trả cổ tức cho cổ đông	20.377.200	21.816.000
Phải trả người lao động	1.834.625.342	1.834.625.342
Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1.096.256.552	796.256.552
Phải trả tiền mượn không tính lãi	2.916.000.000	850.000.000
Phải trả, phải nộp khác	93.153.214	45.845.844
	<b><u>6.110.854.997</u></b>	<b><u>3.578.774.529</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

---

**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.562.120.000	53.562.120.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>53.562.120.000</i>	<i>53.562.120.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>53.562.120.000</i>	<i>53.562.120.000</i>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.356.212	5.356.212
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.356.212	5.356.212
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.356.212</i>	<i>5.356.212</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435.814	435.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435.814</i>	<i>435.814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.920.398	4.920.398
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.920.398</i>	<i>4.920.398</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.477.656.109	1.477.656.109
Quỹ dự phòng tài chính	2.890.894.333	2.890.894.333
	<b>4.368.550.442</b>	<b>4.368.550.442</b>

**15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	43.135.091.762	38.608.925.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.136.715.505	17.284.381.558
	<b>65.271.807.267</b>	<b>55.893.307.168</b>

**16 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	15.585.818	-
Hàng bán bị trả lại	858.563.870	111.965.928
	<b>874.149.688</b>	<b>111.965.928</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**17 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	42.260.942.074	38.496.959.682
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	22.136.715.505	17.284.381.558
	<b>64.397.657.579</b>	<b>55.781.341.240</b>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	39.737.820.032	36.314.011.492
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.740.159.105	16.739.744.804
	<b>60.477.979.137</b>	<b>53.053.756.296</b>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	308.143.820	501.414.890
Cổ tức, lợi nhuận được chia	564.000.000	376.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	82.446.997	45.481.813
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	14.461.467	-
	<b>969.052.284</b>	<b>922.896.703</b>

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	131.270.979	284.976.328
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	1.214.547.530	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	55.967.412	89.304.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	42.629.610
	<b>1.401.785.921</b>	<b>416.910.170</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	279.897.748	187.932.427
Chi phí nhân công	1.188.230.144	643.481.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	631.966.508	541.176.623
Thuế, phí, lệ phí	47.479.181	37.571.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	332.622.666	449.244.480
Chi phí khác bằng tiền	498.964.038	380.564.631
	<b>2.979.160.285</b>	<b>2.239.970.440</b>

**22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	179.900.548	247.049
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>179.900.548</b>	<b>247.049</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(28.781.536)	(149.139.231)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(124.052.346)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b>27.066.666</b>	<b>(148.892.182)</b>

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	514.567.778	447.083.966
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	514.567.778	447.083.966
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.920.398	4.920.398
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>105</b>	<b>91</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.195.269.572	33.208.298.039
Chi phí nhân công	10.403.915.910	8.653.618.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.064.476.701	4.645.670.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.881.908.277	8.495.209.737
Chi phí khác bằng tiền	2.670.666.116	1.076.971.488
	<b><u>57.216.236.576</u></b>	<b><u>56.079.769.156</u></b>

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.018.628.557	-	21.442.381.162	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.810.674.733	(394.410.379)	20.419.853.270	(394.410.379)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	300.000.000	-
Đầu tư dài hạn	122.329.200	-	122.329.200	-
	<b><u>40.951.632.490</u></b>	<b><u>(394.410.379)</u></b>	<b><u>42.284.563.632</u></b>	<b><u>(394.410.379)</u></b>

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	3.591.626.122	7.436.277.409
Phải trả người bán, phải trả khác	14.516.422.897	11.575.737.514
Chi phí phải trả	75.227.637	245.575
	<b><u>18.183.276.656</u></b>	<b><u>19.012.260.498</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.018.628.557	-	-	24.018.628.557
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.416.264.354	-	-	16.416.264.354
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	<b><u>40.434.892.911</u></b>	<b><u>122.329.200</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>40.557.222.111</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.442.381.162	-	-	21.442.381.162
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.025.442.891	-	-	20.025.442.891
Cho vay ngắn hạn	300.000.000	-	-	300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	<b><u>41.767.824.053</u></b>	<b><u>122.329.200</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>41.890.153.253</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
Vay và nợ	3.591.626.122	-	-	3.591.626.122
Phải trả người bán, phải trả khác	14.516.422.897	-	-	14.516.422.897
Chi phí phải trả	75.227.637	-	-	75.227.637
	<b>18.183.276.656</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.183.276.656</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	7.436.277.409	-	-	7.436.277.409
Phải trả người bán, phải trả khác	11.575.737.514	-	-	11.575.737.514
Chi phí phải trả	245.575	-	-	245.575
	<b>19.012.260.498</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.012.260.498</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.260.942.074	22.136.715.505	64.397.657.579
Chi phí bộ phận trực tiếp	39.737.820.032	20.740.159.105	60.477.979.137
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.523.122.042</b>	<b>1.396.556.400</b>	<b>3.919.678.442</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	114.235.817.541	70.689.112.194	184.924.929.735
Tài sản không phân bổ	-	-	31.754.044.904
<b>Tổng tài sản</b>	<b>114.235.817.541</b>	<b>70.689.112.194</b>	<b>216.678.974.639</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	7.775.495.390	9.804.986.312	17.580.481.702
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	2.388.300.234
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>7.775.495.390</b>	<b>9.804.986.312</b>	<b>19.968.781.936</b>

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
<b>Góp vốn vào công ty</b>		
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh 1	-
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết 836.385.192	866.716.834
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh 219.789.055	265.823.565
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết -	602.000
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh -	4.086.364
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết 564.000.000	376.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	304.026.741	370.558.417
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	304.914.781	173.675.171
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	564.000.000	-
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	61.083.000	61.083.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	381.628.705	139.013.000

**29 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đã hợp cộng cả số liệu của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương là công ty con của Công ty. Tuy nhiên trong kỳ, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương đã giải thể, vì vậy đến thời điểm 30/06/2014 Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương không còn là công ty con của Công ty. Do đó số liệu cuối kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và số liệu kỳ này trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất không bao gồm số liệu của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương và không thể so sách với số liệu tương ứng của kỳ so sánh.

---

**Nguyễn Thị Ngọc Duyên**  
 Người lập

---

**Nguyễn Thị Xuân**  
 Kế toán trưởng

---

**Hoàng Văn Điều**  
 Chủ tịch HĐQT

TP HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2014	25.024.456.736	101.359.410.159	8.491.336.151	279.973.178	202.921.345	135.358.097.569
Mua sắm	-	783.472.000	-	277.825.818	-	1.061.297.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	32.727.273	-	-	-	-	32.727.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.361.835.035)	-	-	-	(1.361.835.035)
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>25.057.184.009</b>	<b>100.781.047.124</b>	<b>8.491.336.151</b>	<b>557.798.996</b>	<b>202.921.345</b>	<b>135.090.287.625</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2014	12.634.916.212	62.858.422.373	5.799.372.578	150.467.826	136.331.762	81.579.510.751
Trích khấu hao	722.916.786	3.717.989.251	222.232.432	43.744.908	5.312.904	4.712.196.281
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.361.835.035)	-	-	-	(1.361.835.035)
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>13.357.832.998</b>	<b>65.214.576.589</b>	<b>6.021.605.010</b>	<b>194.212.734</b>	<b>141.644.666</b>	<b>84.929.871.997</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2014	12.389.540.524	38.500.987.786	2.691.963.573	129.505.352	66.589.583	53.778.586.818
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>11.699.351.011</b>	<b>35.566.470.535</b>	<b>2.469.731.141</b>	<b>363.586.262</b>	<b>61.276.679</b>	<b>50.160.415.628</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.698.532.117 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	<b>VND</b>
<b>6 tháng đầu năm 2013</b>								
Tại ngày 01/01/2013	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	1.477.656.109	2.890.894.333	(770.553.947)	193.459.644.378
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	447.083.966	447.083.966
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.106.887)	(1.106.887)
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>53.562.120.000</b>	<b>145.825.164.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>1.477.656.109</b>	<b>2.890.894.333</b>	<b>(324.576.868)</b>	<b>193.905.621.457</b>
<b>6 tháng đầu năm 2014</b>								
Tại ngày 01/01/2014	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	1.477.656.109	2.890.894.333	1.366.620.621	195.596.818.946
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	514.567.778	514.567.778
Tăng từ thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	598.805.979	598.805.979
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>53.562.120.000</b>	<b>145.825.164.443</b>	<b>2.140.945.047</b>	<b>(11.666.581.607)</b>	<b>1.477.656.109</b>	<b>2.890.894.333</b>	<b>2.479.994.378</b>	<b>196.710.192.703</b>

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương đã hoàn thành thủ tục giải thể, vì vậy đến thời điểm 30/06/2014 công ty này không còn là công ty con của Công ty. Do đó, tăng khác trong kỳ là khoản lỗ của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương mà Công ty phải gánh chịu đã hợp cộng trong số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	9.015.820.000	16,83%	9.015.820.000	16,83%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	6.519.830.000	12,17%	6.519.830.000	12,17%
Ông Hoàng Văn Điều	4.964.500.000	9,27%	4.964.500.000	9,27%
Bà Lại Thị Hồng Diệp	3.052.000.000	5,70%	3.052.000.000	5,70%
Ông La Thế Nhân	2.534.740.000	4,73%	2.534.740.000	4,73%
Cổ phiếu quỹ	4.358.140.000	8,14%	4.358.140.000	8,14%
Các cổ đông khác	23.117.090.000	43,16%	23.117.090.000	43,16%
	<b>53.562.120.000</b>	<b>100%</b>	<b>53.562.120.000</b>	<b>100%</b>